**1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 8**

 **( Năm học 2022-2023)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** |  Phương trình bậc nhất 1 ẩn( 11 tiết ) | Giải phương trình |  | 1(Câu 1a)0,5đ |  | 3 (Câu1b,c)2đ |  |  |  |  | 35% |
| Giải bài toán bằng cách lập phương trình |  |  |  |  |  | 1(Câu3)1đ |  |  |
| **2** | Bất phương trình bậc nhất 1 ẩn(8 tiết ) | Giải bất phương trình và biểu diễn tập nghiệm trên trục số |  | (Câu 2a)0,75đ |  | (Câu 2b)1đ |  |  |  |  | 17,5% |
| **3** | Đa giác- Đa giác đều ( 3 tiết ) | Tính diện tích đa giác |  |  |  |  |  | (Câu 4)0,75đ |  |  | 7,5% |
| **4** | Tam giác đồng dạng (16 tiết) |  |  | 1(Câu 6a)1đ |  | 2(Câu 6b) 1đ |  | 1(Câu 5 )1đ |  | 1(Câu 6c)1đ | 40% |
| **Tổng: Số câu** **Điểm** |  | 32,25đ |  | 44đ |  | 32,75đ |  | 11,0đ | 1110,0đ |
| **Tỉ lệ %** | 22,5% | 40% | 27,5% | 10% | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | 62,5% | 37,5% | 100% |

**1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 8**

 **( Năm học 2022-2023)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **ĐAI SỐ** |
| 1 | Phương trình bậc nhất 1 ẩn | Giải phương trình | ***Nhận biết:***– HS hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải |  |  |  |  |
| – HS nhận biết được dạng phương trình tích và cách giải | 1TL(Câu 1a) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– HS giải được phương trình đưa được về dạng ax+b = 0 ( a0)  |  | 1TL( Câu 1b) |  |  |
| – HS giải được phương trình chứa ẩn ở mẫu |  | 1TL( Câu 1c ) |  |  |
| ***Vận dụng:*** – HS giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất một ẩn |  |  |  |  |
| Giải bài toán bằng cách lập phương trình | ***Nhận biết :***– HS nhận biết dạng toán giải bài toán bằng cách lập phương trình |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– HS giải được bài toán dạng giải bài toán bằng cách lập phương trình |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:***– HS giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất một ẩn để giải bài toán bằng cách lập phương trình |  |  | 1 TL (Câu 3) |  |
| **2** | Bất phương trình bậc nhất 1 ẩn | Giải bất phương trình và biểu diễn tập nghiệm trên trục số | ***Nhận biết:***– Nhận biết được khái niệm bất phương trình bậc nhất một ẩn, nghiệm của bất phương trình bậc nhất một ẩn |  |  |  |  |
| – Giải được bất phương trình bậc nhất một ẩn dạng ax+b < 0( hay ax + b >0, ax+ b 0, ax+ b 0) và biẻu diễn tập nghiệm trên trục số | 1 TL (Câu 2a) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Giải được bất phương trình đưa được về bậc nhất một ẩn ax+b < 0, ax + b >0, ax+ b 0, ax+ b 0 |  | 1 TL(Câu 2b) |  |  |
| ***Vận dụng:***– HS giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với bất phương trình bậc nhất một ẩn để giải bài toán bằng cách lập bất phương trình bậc nhất một ẩn |  |  |  |  |
| **HÌNH HỌC** |
| **3** | Đa giác- Đa giác đều |  | ***Nhận biết:***– HS nắm được công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông, tam giác, hình thang, hình bình hành, hình thoi. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***–HS biết tính diện tích của một đa giác bất kì |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:*** – HS vận dụng công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông, tam giác, hình thang, hình bình hành, hình thoi để giải quyết bài toán thực tiễn |  |  | 1 TL(Câu 4) |  |
| **4** | **Tam giác đồng dạng** | Các trường hợp đồng dạng của tam giác | ***Nhận biết:***– HS mô tả được định nghĩa của hai tam giác đồng dạng.  |  |  |  |  |
| – HS giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác | 1 TL(Câu 6a) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– HS chứng minh được đẳng thức dựa vào hai tam giác đồng dạng |  | 1 TL(Câu 6b) |  |  |
| ***Vận dụng:***– Biết cách vận dụng các điều đã có và đã chứng minh để chứng minh bài toán |  |  |  | 1 TL(Câu 6c) |
| – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng |  |  | 1 TL(Câu 5) |  |